Số: 476/BC-SXD
Thời gian ký: 2026-08-28T15:48:09+07:00

KẾT QUẢ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN ĐỢT 1 NĂM 2026 TẠI TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Báo cáo số 476 /BC-HĐT ngày 28 /8/2026 của Hội đồng thi sát hạch cấp CCHN Môi giới BĐS)

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
I	**ĐẠT KẾT QUẢ: 827 THÍ SINH**								
I.1	***Cấp đổi: 12 cá nhân***								
1	KH-00463	Huỳnh Thị Kim	Dung	02/09/1987	Đắk Lắk	**001**	Đạt		
2	BD-2342	Nguyễn Thị	Duyên	27/03/1988	Gia Lai	**002**	Đạt		
3	KH-00502	Nguyễn Song	Jét	26/07/1989	Đắk Lắk	**003**	Đạt		
4	BD-2659	Trần Hoàng	Linh	15/08/1989	Đắk Lắk	**004**	Đạt		
5	KH-00524	Lê Hoàng	Lộc	10/12/1995	Đắk Lắk	**005**	Đạt		
6	KH-00549	Đặng Duy	Phong	30/10/1987	Đắk Lắk	**006**	Đạt		
7	KH-00547	Cao Xuân	Pháp	15/11/1992	Đắk Lắk	**007**	Đạt		
8	7845-Hà Nội	Nguyễn Ngọc	Sáng	10/06/1992	Đắk Lắk	**008**	Đạt		
9	BD-2457	Nguyễn Sĩ Nam	Sơn	12/11/1990	Đắk Lắk	**009**	Đạt		
10	KH-00599	Đàm Đức	Toàn	24/10/1990	Bắc Ninh	**010**	Đạt		
11	BT-5379	Nguyễn Anh	Tuấn	19/07/1991	Đắk Lắk	**011**	Đạt		
12	BD-2092	Mai Thế	Vũ	18/10/1988	Đắk Lắk	**012**	Đạt		
I.2	***Cấp mới: 815 cá nhân***								
1		H Min	Adrơng	03/01/1997	Đắk Lắk	**013**	Đạt	Đạt	
2		H NAN	ALIO	27/11/1990	Đắk Lắk	**014**	Đạt	Đạt	
3		Đinh Thị Mỹ	An	12/12/1984	Đắk Lắk	**015**	Đạt	Đạt	
4		Nguyễn Thị Mỹ	An	15/08/1987	Nghệ An	**016**	Đạt	Đạt	
5		Phạm Duyên	An	17/03/1989	Đắk Lắk	**017**	Đạt	Đạt	
6		Tạ Thị Thanh	An	10/10/1991	Đắk Lắk	**018**	Đạt	Đạt	
7		Trần Tân	An	15/11/1989	Đắk Lắk	**020**	Đạt	Đạt	
8		Đậu Thị Hoài	Ân	01/06/1984	Nghệ An	**022**	Đạt	Đạt	
9		Hồ Minh Tuấn	Anh	28/12/1998	Gia Lai	**023**	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
10		Lê Tuấn	Anh	27/08/1988	Đắk Lắk	024	Đạt	Đạt	
11		Mai Đức	Anh	07/09/1994	Ninh Bình	025	Đạt	Đạt	
12		Nguyễn Thị Lan	Anh	27/02/1986	Hải Phòng	026	Đạt	Đạt	
13		Nguyễn Thị Nhâm	Anh	27/11/1992	Đắk Lắk	027	Đạt	Đạt	
14		Nguyễn Thùy Ngọc	Anh	14/07/1994	Quảng Ngãi	028	Đạt	Đạt	
15		Phạm Tuấn	Anh	20/05/1994	Đắk Lắk	029	Đạt	Đạt	
16		Phan Công Thế	Anh	03/10/1983	Đắk Lắk	030	Đạt	Đạt	
17		Trần Thị	Anh	23/01/1990	Hải Phòng	031	Đạt	Đạt	
18		Trương Vũ Tuấn	Anh	18/09/1992	Đăk Lắk	032	Đạt	Đạt	
19		Từ Thị	Anh	11/07/1993	Hà Tĩnh	033	Đạt	Đạt	
20		Võ Tuấn	Anh	28/01/2000	Gia Lai	034	Đạt	Đạt	
21		Nguyễn Thị	Ánh	10/12/1988	Thái Bình	035	Đạt	Đạt	
22		Trương Ngọc	Ánh	04/10/1998	Đắk Lắk	037	Đạt	Đạt	
23		Vương Thị Ngọc	Ánh	15/04/1992	Lâm Đồng	038	Đạt	Đạt	
24		Đỗ Việt	Anh	03/07/2000	Thanh Hóa	039	Đạt	Đạt	
25		Nguyễn Quang	Bắc	22/11/1989	Thanh Hóa	040	Đạt	Đạt	
26		Hồ Sĩ	Bách	26/01/1995	Nghệ An	041	Đạt	Đạt	
27		Lê Bá	Bằng	10/06/1988	Thanh Hóa	042	Đạt	Đạt	
28		Khổng Thế	Bảo	18/06/1994	Đắk Lắk	043	Đạt	Đạt	
29		Nguyễn Thái	Bảo	30/06/1991	Gia Lai	044	Đạt	Đạt	
30		Thời Lâm Gia	Bảo	06/04/2002	Gia Lai	045	Đạt	Đạt	
31		Nguyễn Vy	Bảo	18/06/1989	Gia Lai	046	Đạt	Đạt	
32		H'Glen	BDap	12/02/1989	Đắk Lắk	047	Đạt	Đạt	
33		Trần Thị Thúy	Bền	10/10/1983	Gia Lai	048	Đạt	Đạt	
34		Trần Ngọc	Bích	24/12/1997	Quảng Ngãi	049	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
35		Trần Thị	Bích	17/07/1984	Đắk Lắk	050	Đạt	Đạt	
36		Phan Trầm	Biên	11/06/1988	Đắk Lắk	051	Đạt	Đạt	
37		Nguyễn Thị Thái	Bình	04/04/1982	Gia Lai	052	Đạt	Đạt	
38		Nguyễn Văn	Bình	10/10/1976	Hà Tĩnh	053	Đạt	Đạt	
39		Phạm Thanh	Bình	03/04/1991	Đà Nẵng	054	Đạt	Đạt	
40		Phan Nguyên	Bình	14/07/1993	Đắk Lắk	055	Đạt	Đạt	
41		Trần Quốc	Bình	02/04/1989	Đắk Lắk	056	Đạt	Đạt	
42		H.Ha Lăm	Byă	09/11/1990	Đắk Lắk	057	Đạt	Đạt	
43		Nguyễn Quốc	Ca	22/10/1991	Đắk Lắk	058	Đạt	Đạt	
44		Vũ Thị	Cải	28/11/1991	Đắk Lắk	059	Đạt	Đạt	
45		Nguyễn Văn	Cam	24/06/1987	Bắc Ninh	060	Đạt	Đạt	
46		Nguyễn Mạnh	Cầu	30/08/1994	Đắk Lắk	061	Đạt	Đạt	
47		Lê Thị Ngọc	Châu	15/05/1992	Quảng Ngãi	062	Đạt	Đạt	
48		Trần Thị Kim	Châu	02/06/1980	Quảng Ngãi	063	Đạt	Đạt	
49		Huỳnh Thị	Chi	26/06/1987	Đắk Lắk	064	Đạt	Đạt	
50		Hoàng Thị Kim	Chiến	17/06/1991	Đắk Lắk	065	Đạt	Đạt	
51		Lê Hữu	Chiến	19/08/1988	Đắk Lắk	066	Đạt	Đạt	
52		Nguyễn Minh	Chiến	20/01/1999	Đắk Lắk	067	Đạt	Đạt	
53		Trịnh Thị	Chiến	13/05/1984	Hà Nội	068	Đạt	Đạt	
54		Trần Văn	Chinh	10/07/1991	Đắk Lắk	069	Đạt	Đạt	
55		Lê Thị Hồng	Chung	15/12/1995	Đắk Lắk	070	Đạt	Đạt	
56		Lê Thị Thanh	Chung	06/03/1993	Lâm Đồng	071	Đạt	Đạt	
57		Lê Thị Thu	Chung	12/07/1987	Gia Lai	072	Đạt	Đạt	
58		Nguyễn Công Tâm	Chung	24/09/1995	Đắk Lắk	073	Đạt	Đạt	
59		Nguyễn Hàm	Chung	29/06/1994	Đắk Lắk	074	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
60		Nguyễn Lê	Chung	23/10/1975	Hà Tĩnh	075	Đạt	Đạt	
61		Trần Văn	Chương	27/08/1998	Huế	076	Đạt	Đạt	
62		Trần Việt	Chương	18/01/1991	Đắk Lắk	077	Đạt	Đạt	
63		Đoàn Hải	Công	07/04/1990	Đắk Lắk	078	Đạt	Đạt	
64		Hoàng Ngọc	Công	26/06/1988	Thái Nguyên	079	Đạt	Đạt	
65		Ngô Thị Kim	Công	02/02/1988	Đắk Lắk	080	Đạt	Đạt	
66		Nguyễn Thị	Công	08/01/1987	Đắk Lắk	081	Đạt	Đạt	
67		Cao Thị	Cúc	01/04/1991	Đà Nẵng	082	Đạt	Đạt	
68		Đoàn La	Cương	10/03/1991	Đắk Lắk	083	Đạt	Đạt	
69		Lê Trung	Cương	21/05/1987	Đắk Lắk	084	Đạt	Đạt	
70		Nguyễn Ngọc	Cương	25/08/1989	Đắk Lắk	085	Đạt	Đạt	
71		Bùi Xuân	Cường	20/10/1990	Đắk Lắk	086	Đạt	Đạt	
72		Nguyễn Như	Cường	06/06/1990	Đắk Lắk	087	Đạt	Đạt	
73		Nguyễn Tiến	Cường	24/07/1984	Hưng Yên	088	Đạt	Đạt	
74		Vũ Tiến	Cường	16/09/1991	Đắk Lắk	089	Đạt	Đạt	
75		Đinh Thị	Đắc	03/10/1981	Đắk Lắk	090	Đạt	Đạt	
76		Phan Thị	Dàng	01/04/1997	Gia Lai	091	Đạt	Đạt	
77		Bùi Thị	Đào	29/05/1986	Thanh Hóa	092	Đạt	Đạt	
78		Nguyễn Thị	Đào	15/06/1984	Đắk Lắk	093	Đạt	Đạt	
79		Lê Kim	Đạo	03/02/1983	Đắk Lắk	094	Đạt	Đạt	
80		Nguyễn Thị	Đào	20/10/1991	Hưng Yên	095	Đạt	Đạt	
81		Lê Văn	Đạt	15/03/1984	Đắk Lắk	096	Đạt	Đạt	
82		Hoàng Thị Ái	Diễm	20/11/1989	Đắk Lắk	097	Đạt	Đạt	
83		Huỳnh Thị Xuân	Diễm	10/04/1974	Gia Lai	098	Đạt	Đạt	
84		Lê Thị Hồng	Diễm	07/03/1995	Gia Lai	099	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
85		Nguyễn Thị	Diễm	15/08/1991	Đắk Lắk	100	Đạt	Đạt	
86		Nguyễn Thị	Diễm	08/10/1987	Gia Lai	101	Đạt	Đạt	
87		Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	18/02/1993	Gia Lai	102	Đạt	Đạt	
88		Nông Thị	Điểm	10/10/1985	Cao Bằng	103	Đạt	Đạt	
89		Nguyễn Công	Diễn	22/02/1997	Huế	104	Đạt	Đạt	
90		Nguyễn Thị	Diện	02/11/1982	Nghệ An	105	Đạt	Đạt	
91		Nguyễn Thị	Diện	15/11/1967	Hà Tĩnh	106	Đạt	Đạt	
92		Nguyễn Thị	Diệp	10/05/1993	Đắk Lắk	107	Đạt	Đạt	
93		Hàn Văn	Điệp	09/03/1986	Thanh Hóa	108	Đạt	Đạt	
94		Tôn Trần Trọng	Điệp	22/06/2000	Gia Lai	109	Đạt	Đạt	
95		Nguyễn Hoàng	Diệu	10/06/1989	Gia Lai	110	Đạt	Đạt	
96		Trần Thị Bích	Diệu	24/02/1989	Đà Nẵng	111	Đạt	Đạt	
97		KSƠR H'	ĐOAN	13/10/1988	Đắk lắk	112	Đạt	Đạt	
98		Nguyễn Hùng	Đoan	18/12/1981	Đắk Lắk	113	Đạt	Đạt	
99		Nguyễn Ngọc	Đôn	18/09/1990	Đắk Lắk	114	Đạt	Đạt	
100		Phan Thị	Đông	08/04/1995	Đắk Lắk	115	Đạt	Đạt	
101		Lý Văn	Đồng	08/10/1997	Đồng Nai	116	Đạt	Đạt	
102		Trần Hoàng Tuấn	Du	16/04/1984	Cao Bằng	117	Đạt	Đạt	
103		Cao Minh	Đức	06/01/2000	Quảng Trị	118	Đạt	Đạt	
104		Đỗ Văn	Đức	27/12/1997	Đắk Lắk	119	Đạt	Đạt	
105		Lê Anh	Đức	20/11/1992	Đắk Lắk	120	Đạt	Đạt	
106		Lê Công	Đức	28/02/1989	Đắk Lắk	121	Đạt	Đạt	
107		Đỗ Thị Thùy	Dung	23/11/1990	Đắk Lắk	122	Đạt	Đạt	
108		Dương Thị Thanh	Dung	01/02/1985	Lâm Đồng	123	Đạt	Đạt	
109		Lê Thị Kim	Dung	16/08/1984	Gia Lai	124	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
110		Lô Thị	Dung	06/03/1993	Nghệ An	125	Đạt	Đạt	
111		Lữ Thùy	Dung	05/09/1990	Thanh Hóa	126	Đạt	Đạt	
112		Nguyễn Thị Hạnh	Dung	20/01/1982	Ninh Bình	127	Đạt	Đạt	
113		Trần Thùy	Dung	01/01/1996	Đắk Lắk	128	Đạt	Đạt	
114		Đặng Thế	Dũng	25/10/2004	Đắk Lắk	129	Đạt	Đạt	
115		Đặng Thế	Dũng	26/07/1986	Hà Tĩnh	130	Đạt	Đạt	
116		Huỳnh Quốc	Dũng	05/10/1984	Đắk Lắk	131	Đạt	Đạt	
117		Lê Đức	Dũng	06/10/1992	Hà Tĩnh	132	Đạt	Đạt	
118		Lê Quang	Dũng	12/01/1980	Lâm Đồng	133	Đạt	Đạt	
119		Lê Trọng	Dũng	29/09/1969	Thanh Hóa	134	Đạt	Đạt	
120		Ngô Tiến	Dũng	23/03/1982	Ninh Bình	135	Đạt	Đạt	
121		Nguyễn Quang	Dũng	20/01/1993	Đắk Lắk	136	Đạt	Đạt	
122		Nguyễn Tiến	Dũng	04/10/1992	Đắk Lắk	137	Đạt	Đạt	
123		Phạm Tiến	Dũng	09/03/2002	Đắk Lắk	138	Đạt	Đạt	
124		Phạm Việt	Dũng	12/03/1989	Đắk Lắk	139	Đạt	Đạt	
125		Trần Văn	Được	14/06/1990	Đồng Nai	140	Đạt	Đạt	
126		Đào Mạnh	Dương	25/08/1994	Gia Lai	141	Đạt	Đạt	
127		Hoàng Xuân	Dương	24/03/1986	Đắk Lắk	142	Đạt	Đạt	
128		Lê Đại	Dương	02/01/1994	Đắk Lắk	143	Đạt	Đạt	
129		Nguyễn Hữu	Dương	20/11/1989	Đắk Lắk	144	Đạt	Đạt	
130		Nguyễn Thị Thùy	Dương	12/01/1990	Đắk Lắk	145	Đạt	Đạt	
131		Trịnh Xuân	Dương	05/10/1992	Đắk Lắk	146	Đạt	Đạt	
132		Đào Thị Hải	Đường	06/04/1986	Đắk Lắk	147	Đạt	Đạt	
133		Cao Hoàng	Duy	03/05/1990	Đắk Lắk	148	Đạt	Đạt	
134		Đoàn Anh	Duy	01/07/2003	Đắk Lắk	149	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
135		Dương Khánh	Duy	30/08/1985	Đắk Lắk	150	Đạt	Đạt	
136		Lương Công	Duy	15/08/1994	Đắk Lắk	151	Đạt	Đạt	
137		Mầu Văn	Duy	04/05/2001	Gia Lai	152	Đạt	Đạt	
138		Nguyễn Ngọc	Duy	23/11/1992	Lâm Đồng	153	Đạt	Đạt	
139		Phạm	Duy	08/08/1990	Quảng Ngãi	154	Đạt	Đạt	
140		Phạm Đình	Duy	25/03/1991	Đắk Lắk	155	Đạt	Đạt	
141		Lưu Thị Hồng	Duyên	27/03/1987	Đà Nẵng	156	Đạt	Đạt	
142		Nguyễn Thị	Duyên	18/12/1989	Đắk Lắk	157	Đạt	Đạt	
143		Thân Thị Mỹ	Duyên	15/10/2004	Đắk Lắk	158	Đạt	Đạt	
144		H Đi Zuel	Êban	26/06/1988	Đắk Lắk	159	Đạt	Đạt	
145		Y Tuân	ÊBan	10/03/1991	Đắk Lắk	160	Đạt	Đạt	
146		Khánh Ngân	ĔNUÔL	18/01/2003	Đắk Lắk	161	Đạt	Đạt	
147		Trần Anh	Fa	23/06/1988	Đắk Lắk	162	Đạt	Đạt	
148		Bùi Thị Hồng	Gấm	17/06/1996	Quảng Ngãi	163	Đạt	Đạt	
149		Huỳnh Công	Giác	03/06/1984	Đà Nẵng	164	Đạt	Đạt	
150		Đinh Văn	Giang	28/10/1991	Bắc Ninh	165	Đạt	Đạt	
151		Phạm Trường	Giang	15/04/1995	Hưng Yên	166	Đạt	Đạt	
152		Trần Thị Hương	Giang	25/04/1983	Đắk Lắk	167	Đạt	Đạt	
153		Lê Thị Quỳnh	Giao	26/11/1983	Đắk Lắk	168	Đạt	Đạt	
154		Trương Thị Quỳnh	Giao	24/09/1992	Đắk Lắk	169	Đạt	Đạt	
155		Đào Hữu	Hà	13/05/1979	Bắc Ninh	170	Đạt	Đạt	
156		Hồ Thị	Hà	23/08/1993	Đắk Lắk	171	Đạt	Đạt	
157		Hoàng Quốc	Hà	07/01/1979	Phú Thọ	172	Đạt	Đạt	
158		Lương Thị	Hà	05/07/1997	Đắk Lắk	173	Đạt	Đạt	
159		Ngô Hữu	Hà	02/07/1972	Đắk Lắk	174	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
160		Ngô Nguyên	Hà	02/01/1991	Đắk Lắk	175	Đạt	Đạt	
161		Nguyễn Thị	Hà	04/11/1982	Đắk Lắk	176	Đạt	Đạt	
162		Nguyễn Thị	Hà	30/10/1986	Đắk Lắk	177	Đạt	Đạt	
163		Nguyễn Thị	Hà	07/09/1985	Đắk Lắk	178	Đạt	Đạt	
164		Nguyễn Thị	Hà	25/04/1987	Thanh Hóa	179	Đạt	Đạt	
165		Nguyễn Thị	Hà	05/03/1988	Gia Lai	180	Đạt	Đạt	
166		Nguyễn Thị	Hà	01/04/1989	Đắk Lắk	181	Đạt	Đạt	
167		Nguyễn Thị Thu	Hà	18/04/1984	Nghệ An	182	Đạt	Đạt	
168		Phan Trọng	Hà	01/01/1993	Gia Lai	183	Đạt	Đạt	
169		Văn Thị Thu	Hà	10/09/1991	Đắk Lắk	185	Đạt	Đạt	
170		Nguyễn Thị Phước	Hạ	01/10/1991	Đắk Lắk	186	Đạt	Đạt	
171		Nguyễn Thái Quang	Hải	08/01/1986	Đắk Lắk	187	Đạt	Đạt	
172		Nguyễn Thanh	Hải	05/11/1984	Lâm Đồng	188	Đạt	Đạt	
173		Nguyễn Thị	Hải	21/05/1992	Đắk Lắk	189	Đạt	Đạt	
174		Vũ Như	Hải	02/12/1979	Bắc Ninh	190	Đạt	Đạt	
175		NAY Y	HÀN	12/12/1990	Đắk Lắk	191	Đạt	Đạt	
176		Võ Thị Gia	Hân	18/04/1998	Đà Nẵng	192	Đạt	Đạt	
177		Phùng Đức	Hận	26/10/1986	Đắk Lắk	193	Đạt	Đạt	
178		Đào Thị	Hằng	20/08/1990	Phú Thọ	194	Đạt	Đạt	
179		Lê Thị	Hằng	22/02/1992	Đắk Lắk	195	Đạt	Đạt	
180		Lưu Thị	Hằng	17/01/1987	Hải Phòng	196	Đạt	Đạt	
181		Nguyễn Thị	Hằng	31/05/1992	Ninh Bình	197	Đạt	Đạt	
182		Nguyễn Thị Ánh	Hằng	30/04/1992	Đắk Lắk	198	Đạt	Đạt	
183		Nguyễn Thị Thu	Hằng	02/07/1998	Đắk Lắk	199	Đạt	Đạt	
184		Nguyễn Thị Thu	Hằng	05/03/1986	Đắk Lắk	200	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
185		Phan Thị	Hằng	10/01/1981	Hà Tĩnh	201	Đạt	Đạt	
186		Trần Thị	Hằng	28/09/1987	Đắk Lắk	202	Đạt	Đạt	
187		Võ Thị Thu	Hằng	29/12/1989	Đắk Lắk	203	Đạt	Đạt	
188		Lê Thị	Hạnh	08/08/1994	Thanh Hóa	204	Đạt	Đạt	
189		Nguyễn Thị	Hạnh	11/11/1987	Đắk Lắk	205	Đạt	Đạt	
190		Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	14/02/1992	Quảng Trị	206	Đạt	Đạt	
191		Phạm Kiều	Hạnh	05/11/1984	Đắk Lắk	207	Đạt	Đạt	
192		Lưu Phong	Hào	27/08/1997	Đắk Lắk	208	Đạt	Đạt	
193		Phạm Văn	Hào	26/06/1996	Lâm Đồng	209	Đạt	Đạt	
194		Trần Quốc	Hào	02/11/1998	Đắk Lắk	210	Đạt	Đạt	
195		Đặng Trung	Hậu	21/02/1996	Gia Lai	211	Đạt	Đạt	
196		Lê Thị Phúc	Hậu	11/02/1994	Đắk Lắk	212	Đạt	Đạt	
197		Nguyễn Duy	Hậu	19/08/1997	Đắk Lắk	213	Đạt	Đạt	
198		Nguyễn Thị Minh	Hậu	22/07/1983	Gia Lai	214	Đạt	Đạt	
199		Trương Đức	Hậu	25/09/1989	Đắk Lắk	215	Đạt	Đạt	
200		Võ Văn	Hiếm	02/02/1990	Gia Lai	216	Đạt	Đạt	
201		Đặng Thị Bích	Hiền	29/12/1979	Đắk Lắk	218	Đạt	Đạt	
202		Hồ Thị	Hiền	20/11/1984	Đắk Lắk	219	Đạt	Đạt	
203		Lê Quang	Hiền	17/10/1988	Quảng Trị	220	Đạt	Đạt	
204		Nguyễn Thị	Hiền	16/10/1982	Đắk Lắk	221	Đạt	Đạt	
205		Nguyễn Thị Thu	Hiền	05/09/1994	Quảng Ngãi	222	Đạt	Đạt	
206		Phạm Thị	Hiền	06/10/1991	Nghệ An	223	Đạt	Đạt	
207		Trần Thị	Hiền	06/12/1976	Hải Phòng	224	Đạt	Đạt	
208		Lê Đức	Hiển	19/09/1989	Đắk Lắk	225	Đạt	Đạt	
209		Phạm Thế	Hiển	19/03/1994	Đắk Lắk	226	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
210		Dương Thái	Hiệp	10/05/1990	Đắk Lắk	228	Đạt	Đạt	
211		Lê Ngọc	Hiệp	10/03/1989	Khánh Hòa	229	Đạt	Đạt	
212		Lê Thị	Hiệp	03/02/1986	Thanh Hóa	230	Đạt	Đạt	
213		Nguyễn Văn	Hiệp	04/04/1992	Lâm Đồng	231	Đạt	Đạt	
214		Võ Thị	Hiệp	10/09/1991	Gia Lai	232	Đạt	Đạt	
215		Võ Thị Bích	Hiệp	20/09/1985	Quảng Ngãi	233	Đạt	Đạt	
216		Châu Ngọc	Hiếu	20/08/1996	Đắk Lắk	234	Đạt	Đạt	
217		Đào Xuân	Hiếu	14/04/1986	Thanh Hóa	235	Đạt	Đạt	
218		Đinh Trung	Hiếu	01/06/1990	Quảng Trị	236	Đạt	Đạt	
219		Lê Đăng	Hiếu	23/07/1999	Đắk Lắk	237	Đạt	Đạt	
220		Lê Trung	Hiếu	23/03/1994	Đắk Lắk	238	Đạt	Đạt	
221		Nguyễn Trung	Hiếu	18/11/1994	Ninh Bình	239	Đạt	Đạt	
222		Trịnh Duy	Hiếu	03/12/2001	Đắk Lắk	240	Đạt	Đạt	
223		Nguyễn Sỹ	Hoa	22/10/1988	Nghệ An	241	Đạt	Đạt	
224		Nguyễn Thị	Hoa	15/04/1990	Hưng Yên	242	Đạt	Đạt	
225		Nguyễn Thị	Hoa	24/11/1988	Đắk Lắk	243	Đạt	Đạt	
226		Phạm Thị Quỳnh	Hoa	20/11/1982	Quảng Trị	244	Đạt	Đạt	
227		Phan Thị	Hoa	25/04/1994	Tây Ninh	245	Đạt	Đạt	
228		Phan Thị	Hoa	04/08/1984	Nghệ An	246	Đạt	Đạt	
229		Lê Tấn	Hòa	26/04/1982	Đắk Lắk	247	Đạt	Đạt	
230		Mai Văn	Hòa	20/10/1988	Ninh Bình	248	Đạt	Đạt	
231		Ngô Huy	Hòa	20/02/1988	Đà Nẵng	249	Đạt	Đạt	
232		Nguyễn Bùi	Hòa	08/10/1982	Nghệ An	250	Đạt	Đạt	
233		Nguyễn Quốc	Hòa	06/04/1993	Đắk Lắk	251	Đạt	Đạt	
234		Nguyễn Văn	Hòa	23/06/1981	Đắk Lắk	252	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
235		Nguyễn Văn	Hòa	10/04/1996	Nghệ An	253	Đạt	Đạt	
236		Phạm Thị	Hòa	26/02/1988	Khánh Hòa	254	Đạt	Đạt	
237		Thái Thị	Hòa	08/03/1973	Nghệ An	255	Đạt	Đạt	
238		Vũ Thị Bích	Hòa	05/10/1983	Đắk Lắk	256	Đạt	Đạt	
239		Đặng Thị	Hoài	21/09/1991	Hà Tĩnh	257	Đạt	Đạt	
240		Lê Thị	Hoài	12/08/1986	Quảng Trị	258	Đạt	Đạt	
241		Trần Khánh	Hoài	20/08/1983	Hà Tĩnh	259	Đạt	Đạt	
242		Nguyễn Hồ Khải	Hoàn	02/01/1997	Đắk Lắk	260	Đạt	Đạt	
243		Phạm Thị	Hoàn	27/02/1965	Thanh Hóa	261	Đạt	Đạt	
244		Đinh Thị	Hoàng	22/03/1993	Quảng Trị	262	Đạt	Đạt	
245		Huỳnh Huy	Hoàng	10/02/1993	Đắk Lắk	263	Đạt	Đạt	
246		Nguyễn Văn	Hoàng	04/04/2000	Đắk Lắk	264	Đạt	Đạt	
247		Nguyễn Văn	Hoàng	13/07/1994	Đắk Lắk	265	Đạt	Đạt	
248		Văn Thanh	Hoàng	04/09/1986	Đắk Lắk	266	Đạt	Đạt	
249		Lê Đại	Hoàng	28/01/1997	Huế	267	Đạt	Đạt	
250		Nguyễn Ngọc	Hoàng	16/04/1996	Đà Nẵng	268	Đạt	Đạt	
251		Phan Thị Bé	Hoanh	26/02/1983	Quảng Ngãi	269	Đạt	Đạt	
252		Ma Thị	Hoành	12/05/1990	Đắk Lắk	270	Đạt	Đạt	
253		Huỳnh Thị Thu	Hồng	11/11/1972	Gia Lai	271	Đạt	Đạt	
254		Lương Thị Minh	Hồng	25/08/1989	Đắk Lắk	272	Đạt	Đạt	
255		Nguyễn Thị Thu	Hồng	03/03/1993	Đắk Lắk	273	Đạt	Đạt	
256		Nguyễn Thị Thúy	Hồng	03/03/1986	Gia Lai	274	Đạt	Đạt	
257		Phạm Thị	Hồng	02/05/1993	Đắk Lắk	275	Đạt	Đạt	
258		Bùi Thị	Hợp	13/04/1987	Đắk Lắk	277	Đạt	Đạt	
259		Niê	H'Phưi	07/06/1990	Đắk Lắk	278	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
260		Đào Văn	Huân	17/07/1986	Cao Bằng	279	Đạt	Đạt	
261		Lê Quang	Huấn	21/06/1986	Hưng Yên	280	Đạt	Đạt	
262		Cao Thị	Huệ	31/05/1986	Hà Nội	281	Đạt	Đạt	
263		Đinh Thị	Huệ	30/09/2002	Lâm Đồng	282	Đạt	Đạt	
264		Nguyễn Thị	Huệ	13/12/1982	Bắc Ninh	283	Đạt	Đạt	
265		Nguyễn Thị	Huệ	21/10/1973	Bắc Ninh	284	Đạt	Đạt	
266		Phạm Thị	Huệ	16/10/1985	Hải Phòng	285	Đạt	Đạt	
267		Phạm Thị Kim	Huệ	03/09/2002	Đắk Lắk	286	Đạt	Đạt	
268		Vũ Thị	Huệ	17/05/1987	Hải Phòng	287	Đạt	Đạt	
269		Đinh Văn	Hùng	16/12/1990	Đắk Lắk	288	Đạt	Đạt	
270		Lê Tấn	Hùng	20/07/1982	Đắk Lắk	289	Đạt	Đạt	
271		Nguyễn Mạnh	Hùng	10/02/1993	Đắk Lắk	290	Đạt	Đạt	
272		Nguyễn Văn	Hùng	29/07/1995	Đắk Lắk	291	Đạt	Đạt	
273		Phan Mạnh	Hùng	01/11/1988	Đắk Lắk	293	Đạt	Đạt	
274		Đường Thị Hòa	Hưng	06/01/1993	Đắk Lắk	294	Đạt	Đạt	
275		Nguyễn Phan Hoài	Hưng	01/03/1981	Khánh Hòa	295	Đạt	Đạt	
276		Nguyễn Phú	Hưng	15/06/1995	Thanh Hóa	296	Đạt	Đạt	
277		Hà Thị	Hương	14/02/1989	Đắk Lắk	297	Đạt	Đạt	
278		Hà Thị Thu	Hương	10/01/1990	Quảng Trị	298	Đạt	Đạt	
279		Lê Thị	Hương	10/10/1992	Đắk Lắk	299	Đạt	Đạt	
280		Nguyễn Thị	Hương	02/03/1984	Hưng Yên	300	Đạt	Đạt	
281		Nguyễn Thị Thanh	Hương	13/10/1990	Đắk Lắk	301	Đạt	Đạt	
282		Nguyễn Thị Thanh	Hương	12/04/1994	Đắk Lắk	302	Đạt	Đạt	
283		Phạm Thị	Hương	30/11/1993	Hải Phòng	303	Đạt	Đạt	
284		Phạm Thị Thanh	Hương	25/11/1984	Đắk Lắk	304	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
285		Vũ Lan	Hương	22/02/1990	Hà Nội	305	Đạt	Đạt	
286		Khổng Thị	Hường	01/07/1994	Đắk Lắk	306	Đạt	Đạt	
287		Nguyễn Thu	Hường	03/10/1985	Đắk Lắk	307	Đạt	Đạt	
288		Phạm Thị	Hường	14/12/1989	Đắk Lắk	308	Đạt	Đạt	
289		Trần Thị	Hường	28/01/1996	Nghệ An	309	Đạt	Đạt	
290		Trần Thị	Hường	23/04/1987	Đắk Lắk	310	Đạt	Đạt	
291		Trần Thị Thu	Hường	08/06/1990	Hải Phòng	311	Đạt	Đạt	
292		Bùi Thanh	Huy	02/12/2003	Hồ Chí Minh	312	Đạt	Đạt	
293		Đào Văn	Huy	27/09/1990	Hải Phòng	313	Đạt	Đạt	
294		Đoàn Tấn	Huy	15/04/1985	Lâm Đồng	314	Đạt	Đạt	
295		Hoàng Đức	Huy	15/08/1998	Đắk Lắk	315	Đạt	Đạt	
296		Trần Văn	Huy	18/11/1981	Ninh Bình	316	Đạt	Đạt	
297		Phan Đức	Huy	15/01/2002	Đắk Lắk	317	Đạt	Đạt	
298		Bùi Thị	Huyền	08/03/1987	Đắk Lắk	318	Đạt	Đạt	
299		Huỳnh Thị Diệu	Huyền	12/03/1995	Đắk Lắk	319	Đạt	Đạt	
300		Ngô Thị Ngọc	Huyền	11/07/1986	Đắk Lắk	320	Đạt	Đạt	
301		Nguyễn Thị	Huyền	06/01/1987	Hà Tĩnh	321	Đạt	Đạt	
302		Nguyễn Thị Lệ	Huyền	03/03/1991	Đắk Lắk	322	Đạt	Đạt	
303		Phan Thị Xuân	Huyền	05/07/1987	Hà Tĩnh	323	Đạt	Đạt	
304		Phùng Thị	Huyền	11/07/1986	Hưng Yên	324	Đạt	Đạt	
305		Tạ Thị Thanh	Huyền	07/08/1989	Gia Lai	325	Đạt	Đạt	
306		Trần Thị Thu	Huyền	18/09/1985	Đắk Lắk	326	Đạt	Đạt	
307		Văn Thị	Huyền	17/03/1997	Đắk Lắk	327	Đạt	Đạt	
308		Phạm Thế	Huynh	02/09/1991	Gia Lai	328	Đạt	Đạt	
309		Đinh Quốc	Huỳnh	23/09/1993	Đắk Lắk	329	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
310		Hồ Thị Mai	Ka	21/03/1983	Đắk Lắk	330	Đạt	Đạt	
311		Nguyễn Tấn	Khanh	10/03/1995	Đắk Lắk	331	Đạt	Đạt	
312		Đinh Nam	Khánh	04/02/1991	Hà Nội	333	Đạt	Đạt	
313		Võ Hồng	Khánh	10/09/1988	Đắk Lắk	334	Đạt	Đạt	
314		Ngô Sĩ	Khiêm	11/09/1998	Đắk Lắk	335	Đạt	Đạt	
315		Nguyễn Châu	Khoa	05/10/1995	Đắk Lắk	336	Đạt	Đạt	
316		Nguyễn Hữu	Khương	20/06/1984	Đắk Lắk	337	Đạt	Đạt	
317		Nguyễn Quốc	Khương	02/01/2000	Đắk Lắk	338	Đạt	Đạt	
318		Nguyễn Thị	Khuyên	13/11/1990	Đắk Lắk	339	Đạt	Đạt	
319		Bế Trung	Kiên	11/04/1995	Lạng Sơn	340	Đạt	Đạt	
320		Nguyễn Tất	Kiên	02/09/1999	Đắk Lắk	341	Đạt	Đạt	
321		Nguyễn Vũ Gia	Kiệt	27/12/2005	Đắk Lắk	342	Đạt	Đạt	
322		Trần Tuấn	Kiệt	27/09/1997	Gia Lai	344	Đạt	Đạt	
323		Nguyễn Thị Minh	Kiều	03/08/1977	Đắk Lắk	345	Đạt	Đạt	
324		Phan Thị Thúy	Kiều	21/01/1998	Đắk Lắk	346	Đạt	Đạt	
325		Trần Thị Thúy	Kiều	14/03/1993	Gia Lai	347	Đạt	Đạt	
326		Y Mạnh Thiên	Knul	11/01/1996	Đắk Lắk	348	Đạt	Đạt	
327		Y Biôl	Knul	12/12/1984	Đắk Lắk	349	Đạt	Đạt	
328		H Đa Niêl	Kriêng	30/11/1986	Đắk Lắk	350	Đạt	Đạt	
329		Nguyễn Thanh	Kỳ	20/09/1993	Đắk Lắk	351	Đạt	Đạt	
330		Nguyễn Thị Ngọc	Lài	06/06/1982	Thành phố Huế	352	Đạt	Đạt	
331		Lê Thị	Lam	10/12/1985	Đắk Lắk	353	Đạt	Đạt	
332		Đặng Tiến	Lâm	23/04/1985	Thái Bình	354	Đạt	Đạt	
333		Lê Hoàng	Lâm	04/10/1985	Đắk Lắk	355	Đạt	Đạt	
334		Phạm Lê Vũ	Lâm	30/12/1985	Quảng Ngãi	356	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
335		Trần Đình	Lâm	16/08/1988	Đắk Lắk	357	Đạt	Đạt	
336		Đinh Thị Ngọc	Lan	15/10/1988	Hưng Yên	358	Đạt	Đạt	
337		Hồ Thị Mai	Lan	10/12/1987	Đắk Lắk	359	Đạt	Đạt	
338		Hoàng Thị	Lan	10/10/1987	Đắk Lắk	360	Đạt	Đạt	
339		Nguyễn Thị	Lan	13/04/1996	Đắk Lắk	361	Đạt	Đạt	
340		Nguyễn Thị	Lan	18/11/1990	Đắk Lắk	362	Đạt	Đạt	
341		Trần Thị Xuân	Lan	16/07/1990	Gia Lai	363	Đạt	Đạt	
342		Võ Thị	Lan	17/03/1989	Đắk Lắk	364	Đạt	Đạt	
343		Đặng Thị Mộng	Lành	10/10/1989	Gia Lai	365	Đạt	Đạt	
344		Lê Thị	Lành	10/11/1991	Đắk Lắk	366	Đạt	Đạt	
345		Nguyễn Thị	Lành	01/08/1986	Hà Tĩnh	367	Đạt	Đạt	
346		Võ Thị Mộng	Lành	07/10/1989	Đắk Lắk	368	Đạt	Đạt	
347		Nguyễn Đình	Lê	16/05/1989	Hà Tĩnh	369	Đạt	Đạt	
348		Nguyễn Thị Hồng	Lê	04/10/1983	Hà Tĩnh	370	Đạt	Đạt	
349		Trần Thị Ba	Lê	21/06/1981	Đắk Lắk	371	Đạt	Đạt	
350		Dương Thị	Lệ	02/01/1989	Lâm Đồng	372	Đạt	Đạt	
351		Lưu Thị	Len	17/09/1989	Ninh Bình	373	Đạt	Đạt	
352		Nguyễn Thị Cẩm	Len	13/11/1988	Đắk Lắk	374	Đạt	Đạt	
353		Nguyễn Thị	Lịch	16/09/1986	Nghệ An	375	Đạt	Đạt	
354		Võ Thị Kim	Liên	29/03/1991	Đắk Lắk	376	Đạt	Đạt	
355		Bùi Thị	Liễu	29/01/1987	Hải Phòng	377	Đạt	Đạt	
356		Cao Mỹ Thúy	Linh	02/09/1990	Đắk Lắk	379	Đạt	Đạt	
357		Đặng Văn	Linh	01/01/1988	Đắk Lắk	380	Đạt	Đạt	
358		Đoàn Ngọc	Linh	24/05/1996	Đắk Lắk	381	Đạt	Đạt	
359		Lê Vũ Yến	Linh	18/08/1992	Đồng Nai	383	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
360		Ngô Thị Xuân	Linh	10/05/1984	Đắk Lắk	384	Đạt	Đạt	
361		Nguyễn Mạnh	Linh	12/02/1996	Đắk Lắk	385	Đạt	Đạt	
362		Nguyễn Thị Ngọc	Linh	13/12/1998	Hồ Chí Minh	386	Đạt	Đạt	
363		Nguyễn Viết	Linh	14/09/1988	Bắc Ninh	387	Đạt	Đạt	
364		Phạm Thị Ngọc	Linh	30/10/2003	Gia Lai	388	Đạt	Đạt	
365		Phạm Trần Mỹ	Linh	30/01/2005	Thành phố Huế	389	Đạt	Đạt	
366		Phùng Thị	Linh	27/01/1985	Thanh Hóa	390	Đạt	Đạt	
367		Võ Thị Diệu	Linh	06/11/2007	Đắk Lắk	391	Đạt	Đạt	
368		Trần Thị Thùy	Linh	14/11/2003	Đắk Lắk	392	Đạt	Đạt	
369		Nguyễn Thị Kim	Loan	29/05/1970	Hà Tĩnh	393	Đạt	Đạt	
370		Nguyễn Thị Mai	Loan	27/12/1991	Huế	394	Đạt	Đạt	
371		Phan Thị	Loan	01/12/1995	Nghệ An	395	Đạt	Đạt	
372		Võ Thị	Loan	15/06/1993	Đồng Tháp	396	Đạt	Đạt	
373		Đặng Mai	Lộc	23/08/1993	Gia Lai	397	Đạt	Đạt	
374		Nguyễn Văn	Lộc	10/08/1998	Ninh Bình	398	Đạt	Đạt	
375		Mã Ích	Lợi	01/09/1994	Đắk Lắk	399	Đạt	Đạt	
376		Đỗ Kim	Long	01/01/1989	Đắk Lắk	400	Đạt	Đạt	
377		Lê Thăng	Long	15/08/1990	Đắk Lắk	401	Đạt	Đạt	
378		Nguyễn Phi	Long	05/11/1988	Đắk Lắk	402	Đạt	Đạt	
379		Nguyễn Tiến	Long	05/06/1994	Đắk Lắk	403	Đạt	Đạt	
380		Nguyễn Tử	Long	17/07/1994	Đồng Nai	404	Đạt	Đạt	
381		Nguyễn Văn Hùng	Long	09/07/1983	Đắk Lắk	405	Đạt	Đạt	
382		Phan Thanh	Long	01/05/1998	Đắk Lắk	406	Đạt	Đạt	
383		Trần Thị Ánh	Luật	09/06/1989	Đắk Lắk	407	Đạt	Đạt	
384		Hồ Trần Công	Lực	11/10/2001	Đà Nẵng	408	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
385		Hồ Thị Hiền	Lương	20/05/1980	Nghệ An	409	Đạt	Đạt	
386		Dương Thị Mỹ	Lượng	23/02/1986	Đắk Lắk	410	Đạt	Đạt	
387		Hoàng Thị	Luyến	04/06/1981	Ninh Bình	411	Đạt	Đạt	
388		Cao Uyển Gia	Luynh	17/01/2002	Đắk Lắk	412	Đạt	Đạt	
389		Đặng Thị Ngọc	Ly	15/05/1996	Đắk Lắk	413	Đạt	Đạt	
390		Đỗ Thị	Ly	08/05/1991	Đắk Lắk	414	Đạt	Đạt	
391		Nguyễn Thị Thảo	Ly	08/04/1983	Đắk Lắk	415	Đạt	Đạt	
392		Phạm Hoài	Ly	28/05/2003	Gia Lai	416	Đạt	Đạt	
393		Phan Thị Thảo	Ly	20/03/1994	Đắk Lắk	417	Đạt	Đạt	
394		Trần Thị Ly	Ly	19/01/1991	Thành phố Huế	418	Đạt	Đạt	
395		Trương Thị	Ly	01/04/1992	Đắk Lắk	419	Đạt	Đạt	
396		Võ Thị Mỹ	Ly	01/01/1998	Quảng Ngãi	420	Đạt	Đạt	
397		Đỗ Thị Ngọc	Mai	01/01/1988	Đắk Lắk	421	Đạt	Đạt	
398		Đồng Thị Ngọc	Mai	28/11/1989	Đắk Lắk	422	Đạt	Đạt	
399		Dương Thị	Mai	05/07/1984	Hà Tĩnh	423	Đạt	Đạt	
400		Nguyễn Thị Thanh	Mai	06/07/1988	Đắk Lắk	424	Đạt	Đạt	
401		Trần Thị Thu	Mai	13/02/1994	Ninh Bình	425	Đạt	Đạt	
402		Vũ Thị	Mai	09/08/1988	Thanh Hóa	426	Đạt	Đạt	
403		Lê Thị	Mãi	26/04/1995	Đắk Lắk	427	Đạt	Đạt	
404		Kim Duy	Mạnh	23/05/1985	Thanh Hóa	428	Đạt	Đạt	
405		Nguyễn Đức	Mậu	06/02/1983	Hà Tĩnh	429	Đạt	Đạt	
406		Hoàng Trọng	Minh	04/08/1986	Đắk Lắk	430	Đạt	Đạt	
407		Lê Quang	Minh	29/09/1990	Đắk Lắk	431	Đạt	Đạt	
408		Phan Chí	Minh	08/05/1997	Đắk Lắk	432	Đạt	Đạt	
409		Trần Công	Minh	24/09/1997	Đắk Lắk	433	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
410		H YER	MLÔ	10/03/1983	Đắk Lắk	434	Đạt	Đạt	
411		Nguyễn Thị	Mơ	07/03/1985	Đắk Lắk	435	Đạt	Đạt	
412		Trần Thị	Mùa	27/02/1984	Đắk Lắk	436	Đạt	Đạt	
413		Trịnh Thị	Mùi	31/03/1981	Nghệ An	437	Đạt	Đạt	
414		Đỗ Thị Trà	My	20/06/2004	Hồ Chí Minh	438	Đạt	Đạt	
415		Nguyễn Thị Diễm	My	28/09/1989	Đắk Lắk	439	Đạt	Đạt	
416		Nguyễn Vũ Yến	My	02/10/2003	Đắk Lắk	440	Đạt	Đạt	
417		Niê Nguyễn Trà	My	21/02/1995	Đắk Lắk	441	Đạt	Đạt	
418		Đậu Thị	Mỹ	27/09/1988	Đắk Lắk	442	Đạt	Đạt	
419		Lê Xuân	Mỹ	20/07/1997	Gia Lai	443	Đạt	Đạt	
420		Lê	Na	15/06/1983	Đắk Lắk	444	Đạt	Đạt	
421		Nguyễn Phước	Na	30/10/1985	Đà Nẵng	445	Đạt	Đạt	
422		Nguyễn Thị Vi	Na	18/01/1982	Gia Lai	446	Đạt	Đạt	
423		Đặng Ngọc	Nam	15/10/1990	Ninh Bình	447	Đạt	Đạt	
424		Ngô Khắc	Nam	04/09/1999	Đắk Lắk	448	Đạt	Đạt	
425		Nguyễn Huỳnh	Nam	01/03/1981	Đắk Lắk	449	Đạt	Đạt	
426		Phạm Nhật	Nam	18/06/1980	Đắk Lắk	450	Đạt	Đạt	
427		Đào Thị	Nga	17/04/1987	Đắk Lắk	451	Đạt	Đạt	
428		Đào Thị Quỳnh	Nga	12/09/1990	Gia Lai	452	Đạt	Đạt	
429		Đỗ Thị Hằng	Nga	07/09/1983	Đắk Lắk	453	Đạt	Đạt	
430		Đỗ Thị Quỳnh	Nga	26/02/1995	Đắk Lắk	454	Đạt	Đạt	
431		Lại Thị Kiều	Nga	09/01/1988	Lâm Đồng	455	Đạt	Đạt	
432		Lê Thị Thanh	Nga	20/10/1993	Đồng Nai	456	Đạt	Đạt	
433		Lê Thị Thu	Nga	27/04/1984	Đắk Lắk	457	Đạt	Đạt	
434		Lương Thị	Nga	10/05/1987	Thanh Hóa	458	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
435		Nguyễn Thị Hồng	Nga	16/07/1984	Đắk Lắk	459	Đạt	Đạt	
436		Nguyễn Thị Kiều	Nga	10/08/1987	Đắk Lắk	460	Đạt	Đạt	
437		Nguyễn Thị Thanh	Nga	08/01/1993	Đắk Lắk	461	Đạt	Đạt	
438		Nguyễn Thị Thúy	Nga	08/08/1981	Đắk Lắk	462	Đạt	Đạt	
439		Phạm Thanh	Nga	24/05/1988	Đắk Lắk	463	Đạt	Đạt	
440		Phan Thị	Nga	20/06/1990	Gia Lai	464	Đạt	Đạt	
441		Tạ Thị Xuân	Nga	20/10/1988	Đà Nẵng	465	Đạt	Đạt	
442		Vũ Thị Nguyệt	Nga	03/02/2004	Đắk Lắk	466	Đạt	Đạt	
443		Ngô Thị Bích	Ngà	06/08/1986	Đắk Lắk	467	Đạt	Đạt	
444		Trần Thị Thu	Nga	22/04/2001	Đắk Lắk	468	Đạt	Đạt	
445		Nguyễn Thái Thị Ánh	Ngân	21/01/1992	Khánh Hòa	469	Đạt	Đạt	
446		Nguyễn Thị Ái	Ngân	01/01/1990	Đắk Lắk	470	Đạt	Đạt	
447		Nguyễn Thị Kim	Ngân	10/02/1985	Đắk Lắk	471	Đạt	Đạt	
448		Nguyễn Thụy	Ngân	05/06/1984	Đắk Lắk	472	Đạt	Đạt	
449		Phan Hoài	Ngân	31/10/1990	Gia Lai	473	Đạt	Đạt	
450		Trần Thị Kim	Ngân	08/10/1993	Đồng Nai	474	Đạt	Đạt	
451		Nguyễn Trung	Nghĩa	22/02/1986	Hồ Chí Minh	475	Đạt	Đạt	
452		Hoàng Thị Bích	Ngọc	06/01/1991	Đắk Lắk	477	Đạt	Đạt	
453		Lê Thị Bích	Ngọc	27/05/1984	Đắk Lắk	478	Đạt	Đạt	
454		Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	01/11/2007	Đắk Lắk	479	Đạt	Đạt	
455		Nguyễn Thị Thu	Ngọc	12/07/1992	Gia Lai	480	Đạt	Đạt	
456		Quách Thị	Ngọc	21/08/1999	Đắk Lắk	481	Đạt	Đạt	
457		Võ Tá	Ngọc	05/10/1989	Hà Tĩnh	482	Đạt	Đạt	
458		Võ Văn	Ngọc	05/05/1990	Đắk Lắk	483	Đạt	Đạt	
459		Ngô Khắc	Ngợi	20/02/1983	Thanh Hóa	484	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
460		Bùi Hoàng	Nguyên	20/09/1989	Đắk Lắk	485	Đạt	Đạt	
461		Nguyễn Hữu	Nguyên	07/01/1982	Lâm Đồng	486	Đạt	Đạt	
462		Nguyễn Thành	Nguyên	02/02/1989	Hà Nội	487	Đạt	Đạt	
463		Nguyễn Thị	Nguyên	10/04/1981	Đắk Lắk	488	Đạt	Đạt	
464		Nguyễn Thị Tây	Nguyên	21/01/1996	Đắk Lắk	489	Đạt	Đạt	
465		Lê Phước	Nguyện	21/11/1992	Quảng Ngãi	490	Đạt	Đạt	
466		Lê Thị Thu	Nguyệt	06/01/1986	Đà Nẵng	492	Đạt	Đạt	
467		Nguyễn Thị	Nguyệt	12/01/1988	Đắk Lắk	493	Đạt	Đạt	
468		Phạm Thị Minh	Nguyệt	03/10/1974	Đắk Lắk	494	Đạt	Đạt	
469		Tạ Thị	Nhâm	14/07/1992	Đắk Lắk	495	Đạt	Đạt	
470		Lê Thành	Nhân	26/09/1988	Đắk Lắk	496	Đạt	Đạt	
471		Đặng Thị Ái	Nhi	10/08/1993	Đắk Lắk	497	Đạt	Đạt	
472		Đoàn Thị Thúy	Nhi	12/02/1990	Huế	498	Đạt	Đạt	
473		Lê Thị Anh	Nhi	30/10/1990	Gia Lai	499	Đạt	Đạt	
474		Nguyễn Yến	Nhi	13/05/2004	Đắk Lắk	501	Đạt	Đạt	
475		Phạm Thị Hồng	Nhi	03/02/1996	Đắk Lắk	502	Đạt	Đạt	
476		Trần Yến	Nhi	01/11/2004	Đắk Lắk	503	Đạt	Đạt	
477		Trần Lê Uyên	Nhi	24/06/2003	Đắk Lắk	504	Đạt	Đạt	
478		Phan Đức	Nhơn	01/05/1977	Hà Tĩnh	505	Đạt	Đạt	
479		Lê Quý Quỳnh	Như	16/08/1998	Đồng Nai	506	Đạt	Đạt	
480		Vũ Thị	Như	26/10/1994	Lâm Đồng	507	Đạt	Đạt	
481		Nguyễn Văn	Như	10/08/1984	Đà Nẵng	508	Đạt	Đạt	
482		Bùi Thị Mai	Nhung	04/11/1981	Thanh Hóa	509	Đạt	Đạt	
483		Đinh Thị Tuyết	Nhung	10/05/1991	Đắk Lắk	510	Đạt	Đạt	
484		Hà Thị	Nhung	16/02/1993	Thanh Hóa	511	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
485		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/01/1987	Đà Nẵng	512	Đạt	Đạt	
486		Nguyễn Thị Ngọc	Nhung	20/04/2001	Đắk Lắk	513	Đạt	Đạt	
487		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	28/10/1988	Đắk Lắk	514	Đạt	Đạt	
488		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	09/10/1986	Đắk Lắk	515	Đạt	Đạt	
489		Phan Thị Hồng	Nhung	10/06/1988	Đắk Lắk	516	Đạt	Đạt	
490		Trần Thị Tuyết	Nhung	27/12/1983	Đắk Lắk	517	Đạt	Đạt	
491		Võ Thị Thùy	Nhung	01/11/2003	Đắk Lắk	518	Đạt	Đạt	
492		Nguyễn Hữu	Nhường	17/05/1985	Nghệ An	519	Đạt	Đạt	
493		Trương Công	Nhựt	10/12/1996	Đắk Lắk	520	Đạt	Đạt	
494		H Rinh	Niê	02/10/1991	Đắk Lắk	521	Đạt	Đạt	
495		H SEM	NIÊ	20/12/1990	Đắk Lắk	522	Đạt	Đạt	
496		Đinh Thị Lệ	Ninh	20/10/1987	Quảng Trị	523	Đạt	Đạt	
497		Nguyễn Thị	Nở	20/02/1989	Đắk Lắk	524	Đạt	Đạt	
498		Trương Thị	Nở	15/10/1981	Đắk Lắk	525	Đạt	Đạt	
499		Hà Thị Kim	Oanh	16/02/1998	Đắk Lắk	526	Đạt	Đạt	
500		Nguyễn Thị	Oanh	23/08/1988	Đắk Lắk	527	Đạt	Đạt	
501		Nguyễn Thị Kiều	Oanh	03/09/1993	Đắk Lắk	528	Đạt	Đạt	
502		Trần Thị	Oanh	29/12/1989	Đắk Lắk	529	Đạt	Đạt	
503		Phạm Thị Hương	Phấn	20/08/1987	Đắk Lắk	530	Đạt	Đạt	
504		Võ Thị Kim	Phát	18/07/1990	Đồng Tháp	531	Đạt	Đạt	
505		Mai Hoàng	Phi	21/03/1996	Đắk Lắk	532	Đạt	Đạt	
506		Phan Thị Yến	Phi	26/04/1992	Khánh Hòa	533	Đạt	Đạt	
507		Lê	Phong	20/12/1984	Đắk Lắk	534	Đạt	Đạt	
508		Quế Văn	Phong	22/05/1990	Nghệ An	535	Đạt	Đạt	
509		Trần Oanh	Phong	15/09/1984	Đắk Lắk	536	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
510		Nguyễn Quốc	Phong	27/02/1991	Đắk Lắk	537	Đạt	Đạt	
511		Lê Văn	Phú	15/10/1984	Ninh Bình	538	Đạt	Đạt	
512		Phạm Minh	Phú	29/06/1988	Đắk Lắk	539	Đạt	Đạt	
513		Trần Hoàng	Phú	18/11/1994	Đắk Lắk	540	Đạt	Đạt	
514		Lâm Hồng	Phúc	12/09/1981	Đắk Lắk	541	Đạt	Đạt	
515		Ngô Thị Hồng	Phúc	05/04/2005	Đắk Lắk	542	Đạt	Đạt	
516		Nguyễn Tiến	Phúc	12/03/1974	Hưng Yên	543	Đạt	Đạt	
517		Phan Văn	Phúc	24/07/1988	Nghệ An	545	Đạt	Đạt	
518		Võ Tấn	Phúc	08/07/1990	Gia Lai	546	Đạt	Đạt	
519		Trần Thị	Phụng	02/09/1989	Gia Lai	547	Đạt	Đạt	
520		Văn Thị	Phụng	15/02/1995	Đắk Lắk	548	Đạt	Đạt	
521		Nguyễn Đặng	Phước	24/09/1983	Đắk Lắk	549	Đạt	Đạt	
522		Bạch Út	Phương	18/10/1993	Gia Lai	550	Đạt	Đạt	
523		Bùi Thị Thu	Phương	27/11/1983	Hà Nội	551	Đạt	Đạt	
524		Huỳnh Thái	Phương	26/08/1990	Đắk Lắk	552	Đạt	Đạt	
525		Lê Thị Thanh	Phương	05/05/1990	Đắk Lắk	553	Đạt	Đạt	
526		Lê Thị Thuỳ	Phương	21/10/1991	Khánh Hòa	554	Đạt	Đạt	
527		Ngô Thị	Phương	15/06/1988	Đắk Lắk	555	Đạt	Đạt	
528		Nguyễn Chính	Phương	02/08/1988	Đắk Lắk	556	Đạt	Đạt	
529		Nguyễn Thị	Phương	15/09/1990	Đắk Lắk	557	Đạt	Đạt	
530		Nguyễn Thị	Phương	10/04/1993	Đắk Lắk	558	Đạt	Đạt	
531		Nguyễn Thị Minh	Phương	23/04/1985	Đắk Lắk	559	Đạt	Đạt	
532		Nông Thúy	Phương	08/02/1992	Đăk Lắk	560	Đạt	Đạt	
533		Văn Thị Hà	Phương	29/04/1991	Đắk Lắk	561	Đạt	Đạt	
534		Vũ Thị Lệ	Phương	06/10/1998	Thanh Hóa	562	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
535		Đào Bích	Phượng	18/10/1995	Đắk Lắk	563	Đạt	Đạt	
536		Dương Thị Thái	Phượng	17/07/1989	Đắk Lắk	564	Đạt	Đạt	
537		Mai Thị	Phượng	09/08/1998	Lâm Đồng	565	Đạt	Đạt	
538		Phạm Thị Kim	Phượng	18/09/1987	Đắk Lắk	566	Đạt	Đạt	
539		Lê Hồng	Quân	23/01/1988	Đắk Lắk	567	Đạt	Đạt	
540		Lê Phúc Minh	Quân	11/10/1974	Đồng Nai	568	Đạt	Đạt	
541		Trần Nguyễn Minh	Quân	24/02/2003	Khánh Hòa	569	Đạt	Đạt	
542		Bùi Đăng	Quang	27/11/1996	Đắk Lắk	570	Đạt	Đạt	
543		Đặng Xuân	Quang	26/03/1999	Đắk Lắk	571	Đạt	Đạt	
544		Lê Văn	Quang	20/06/1972	Đà Nẵng	572	Đạt	Đạt	
545		Nguyễn	Quang	19/01/1995	Huế	573	Đạt	Đạt	
546		Nguyễn Duy	Quang	05/09/1987	Đắk Lắk	574	Đạt	Đạt	
547		Nguyễn Hồng	Quang	12/09/1985	Hưng Yên	575	Đạt	Đạt	
548		Nguyễn Văn	Quang	15/07/1991	Đắk Lắk	577	Đạt	Đạt	
549		Nguyễn Xuân	Quang	05/08/1985	Đồng Nai	578	Đạt	Đạt	
550		Phạm Văn	Quang	21/09/1987	Ninh Bình	579	Đạt	Đạt	
551		Hoàng Viết	Quốc	20/12/1984	Đắk Lắk	580	Đạt	Đạt	
552		Nguyễn Huy	Quốc	21/12/1993	Quảng Ngãi	581	Đạt	Đạt	
553		Hoàng Ích	Quý	29/01/1994	Đắk Lắk	582	Đạt	Đạt	
554		Bùi Thị Lệ	Quyên	01/01/1990	Đắk Lắk	583	Đạt	Đạt	
555		Đỗ Thị Kim	Quyên	14/05/1988	Đắk Lắk	584	Đạt	Đạt	
556		Đoàn Thị Ngọc	Quyên	20/06/1994	Đắk Lắk	585	Đạt	Đạt	
557		Vũ Đăng Thảo	Quyên	20/04/1988	Đắk Lắk	586	Đạt	Đạt	
558		Huỳnh Văn	Quyền	23/10/1966	Gia Lai	587	Đạt	Đạt	
559		Nguyễn	Quyền	25/11/1991	Đắk Lắk	588	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
560		Lâm Văn	Quyết	11/05/1966	Ninh Bình	589	Đạt	Đạt	
561		Phạm Chí	Quyết	23/08/1993	Đắk Lắk	590	Đạt	Đạt	
562		Đặng Thị Mộng	Quỳnh	18/03/1991	Gia Lai	591	Đạt	Đạt	
563		Hồ Thị	Quỳnh	10/04/1996	Đắk Lắk	592	Đạt	Đạt	
564		Hoàng Thị Như	Quỳnh	20/04/1989	Đắk Lắk	593	Đạt	Đạt	
565		Lâm Thị	Quỳnh	20/03/1986	Đắk Lắk	594	Đạt	Đạt	
566		Vũ Mai	Quỳnh	28/09/1996	Đắk Lắk	595	Đạt	Đạt	
567		Lê Chiêu	Sa	10/08/1991	Đắk Lắk	596	Đạt	Đạt	
568		Nguyễn Trương Thị	Saly	20/08/1985	Đắk Lắk	597	Đạt	Đạt	
569		Trịnh Thị	San	07/07/1983	Thái Nguyên	598	Đạt	Đạt	
570		Nguyễn Văn	Sang	30/10/1986	Gia Lai	599	Đạt	Đạt	
571		Tô Kim	Sang	02/07/1995	Đắk Lắk	600	Đạt	Đạt	
572		Trương Tấn	Sang	09/10/1999	Đắk Lắk	601	Đạt	Đạt	
573		Trần Thị	Sen	13/07/1989	Gia Lai	602	Đạt	Đạt	
574		Nguyễn Thành	Sĩ	15/02/1997	Đắk Lắk	603	Đạt	Đạt	
575		Bùi Khắc	Sơn	25/03/1992	Thanh Hóa	604	Đạt	Đạt	
576		Nguyễn Bá	Sơn	06/12/1986	Đắk Lắk	605	Đạt	Đạt	
577		Nguyễn Bảo	Sơn	22/12/1986	Đắk Lắk	606	Đạt	Đạt	
578		Trần Đức	Sơn	06/05/1998	Đắk Lắk	607	Đạt	Đạt	
579		Trần Văn	Sơn	15/05/1979	Đà Nẵng	608	Đạt	Đạt	
580		Nguyễn Thị Huyền	Sương	12/10/1986	Đà Nẵng	609	Đạt	Đạt	
581		Nguyễn Anh	Tài	30/07/1993	Đắk Lắk	610	Đạt	Đạt	
582		Nguyễn Minh	Tài	08/10/1991	Đắk Lắk	611	Đạt	Đạt	
583		Nguyễn Thành	Tài	05/09/1992	Đắk Lắk	612	Đạt	Đạt	
584		Bùi Thị Phương	Tâm	03/10/1987	Đắk Lắk	613	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
585		Đinh Công	Tâm	09/02/1975	Ninh Bình	615	Đạt	Đạt	
586		Huỳnh Thanh	Tâm	20/07/1991	Đắk Lắk	616	Đạt	Đạt	
587		Lê Thị Thanh	Tâm	18/05/1993	Đắk Lắk	617	Đạt	Đạt	
588		Lê Văn	Tâm	24/11/1977	Quảng Trị	618	Đạt	Đạt	
589		Nguyễn Đức	Tâm	03/02/1990	Đắk Lắk	619	Đạt	Đạt	
590		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	04/03/1990	Khánh Hòa	620	Đạt	Đạt	
591		Nguyễn Văn	Tâm	01/01/1986	Gia Lai	621	Đạt	Đạt	
592		Trần Thị Thanh	Tâm	05/05/1992	Đắk Lắk	622	Đạt	Đạt	
593		Huỳnh Quốc	Tân	20/09/1992	Đắk Lắk	623	Đạt	Đạt	
594		Nguyễn Đức	Tân	03/10/2000	Ninh Bình	624	Đạt	Đạt	
595		Nguyễn Quốc	Tân	17/07/2001	Đắk Lắk	625	Đạt	Đạt	
596		Tống Duy	Tân	29/05/1987	Đắk Lắk	626	Đạt	Đạt	
597		Võ Thị	Tha	02/10/1992	Gia Lai	627	Đạt	Đạt	
598		Nguyễn Thị	Thái	08/07/1985	Gia Lai	628	Đạt	Đạt	
599		Nguyễn Thị Ngọc	Thắm	28/10/1983	Đắk Lắk	629	Đạt	Đạt	
600		Võ Thị	Thắm	24/12/1994	Hà Tĩnh	630	Đạt	Đạt	
601		Nguyễn Văn	Thân	12/11/1996	Đắk Lắk	631	Đạt	Đạt	
602		Lê Như	Thắng	26/04/1990	Huế	632	Đạt	Đạt	
603		Nguyễn Đức	Thắng	23/05/1988	Đắk Lắk	633	Đạt	Đạt	
604		Trịnh Quyết	Thắng	16/05/1984	Đắk Lắk	634	Đạt	Đạt	
605		Dương Thị	Thanh	02/09/1982	Hà Tĩnh	635	Đạt	Đạt	
606		Nguyễn Thị	Thanh	20/07/1987	Nghệ An	636	Đạt	Đạt	
607		Nguyễn Thị Hoài	Thanh	10/06/1982	Hà Tĩnh	637	Đạt	Đạt	
608		Nguyễn Văn	Thanh	23/04/1980	Đắk Lắk	638	Đạt	Đạt	
609		Nguyễn Văn	Thanh	12/06/1991	Đắk Lắk	639	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
610		Trần Thị Nhật	Thanh	24/12/1994	Đắk Lắk	640	Đạt	Đạt	
611		Võ Ngọc Thanh	Thanh	15/11/1982	Lâm Đồng	641	Đạt	Đạt	
612		Bùi Tiến	Thành	25/10/1995	Đà Nẵng	642	Đạt	Đạt	
613		Lâm Hữu	Thành	21/09/1989	Thanh Hóa	643	Đạt	Đạt	
614		Lê Thế	Thành	06/01/1996	Đắk Lắk	644	Đạt	Đạt	
615		Nguyễn Thị	Thành	16/12/1991	Đắk Lắk	645	Đạt	Đạt	
616		Nguyễn Thị	Thành	04/05/1991	Đắk Lắk	646	Đạt	Đạt	
617		Phạm Đức	Thành	21/01/1996	Đắk Lắk	647	Đạt	Đạt	
618		Phan Khắc	Thành	10/05/1991	Đắk Lắk	648	Đạt	Đạt	
619		Võ Thị	Thành	29/01/1983	Đắk Lắk	649	Đạt	Đạt	
620		Võ Trung	Thành	03/03/1991	Đắk Lắk	650	Đạt	Đạt	
621		Mai Xuân	Thạnh	05/09/1990	Đắk Lắk	651	Đạt	Đạt	
622		Lê Khắc Phương	Thảo	08/10/1988	Huế	652	Đạt	Đạt	
623		Lê Phương	Thảo	16/02/1993	Đắk Lắk	653	Đạt	Đạt	
624		Lê Thị Hồng	Thảo	24/06/1985	Đắk Lắk	654	Đạt	Đạt	
625		Lý Phương	Thảo	20/12/1994	Đắk Lắk	655	Đạt	Đạt	
626		Lý Thị	Thảo	21/06/1998	Đắk Lắk	656	Đạt	Đạt	
627		Mai Thị Phương	Thảo	07/08/1990	Lâm Đồng	657	Đạt	Đạt	
628		Nguyễn Nguyên	Thảo	10/06/1986	Đắk Lắk	658	Đạt	Đạt	
629		Nguyễn Phương	Thảo	16/03/1981	Đắk Lắk	659	Đạt	Đạt	
630		Nguyễn Thị	Thảo	04/04/1989	Đắk Lắk	660	Đạt	Đạt	
631		Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/12/1983	Đắk Lắk	661	Đạt	Đạt	
632		Nguyễn Thị Thu	Thảo	27/07/1981	Đắk Lắk	662	Đạt	Đạt	
633		Nguyễn Thị Thu	Thảo	11/04/1994	Đắk Lắk	663	Đạt	Đạt	
634		Phan Thị Thanh	Thảo	15/04/1993	Đắk Lắk	664	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
635		Trần Thị Thái	Thảo	18/09/1996	Đắk Lắk	665	Đạt	Đạt	
636		Văn Thị	Thêm	29/11/1985	Đắk Lắk	666	Đạt	Đạt	
637		Huỳnh Thị	Thi	12/12/1997	Gia Lai	667	Đạt	Đạt	
638		Nguyễn Thị	Thi	05/05/1990	Đắk Lắk	668	Đạt	Đạt	
639		Nguyễn Thị Mai	Thi	09/01/1994	Đắk Lắk	669	Đạt	Đạt	
640		Nguyễn Văn	Thi	04/04/1996	Đắk Lắk	670	Đạt	Đạt	
641		Phạm Văn	Thiểm	10/02/1984	Hưng Yên	672	Đạt	Đạt	
642		Đỗ Thị	Thiện	18/11/1994	Vĩnh Long	673	Đạt	Đạt	
643		Nguyễn Văn	Thiện	20/02/1984	Thanh Hóa	674	Đạt	Đạt	
644		Nguyễn Xuân	Thiện	12/02/2002	Đắk Lắk	675	Đạt	Đạt	
645		Trần Thị Hiền	Thiện	28/04/1980	Đà Nẵng	676	Đạt	Đạt	
646		Nguyễn Văn	Thiệu	02/07/1986	Hà Tĩnh	677	Đạt	Đạt	
647		Lê Phát	Thịnh	23/07/1989	Hồ Chí Minh	678	Đạt	Đạt	
648		Thái Thị	Tho	20/09/1985	Huế	679	Đạt	Đạt	
649		Lê Nữ Anh	Thơ	29/06/2002	Lâm Đồng	680	Đạt	Đạt	
650		Nguyễn Thị Yến	Thơ	26/06/2002	Gia Lai	681	Đạt	Đạt	
651		Nguyễn Hùng	Thọ	21/01/1989	Đà Nẵng	682	Đạt	Đạt	
652		Võ Minh	Thọ	23/09/1987	Đắk Lắk	683	Đạt	Đạt	
653		Đỗ Thị	Thôi	10/04/1991	Đắk Lắk	684	Đạt	Đạt	
654		Lưu Thị	Thơm	08/03/1989	Ninh Bình	685	Đạt	Đạt	
655		Lâm Thị Huyền	Thu	23/08/1989	Đắk Lắk	686	Đạt	Đạt	
656		Nguyễn Thị Bích	Thu	17/09/1995	Đắk Lắk	687	Đạt	Đạt	
657		Nguyễn Thị Hoài	Thu	05/05/1995	Hà Tĩnh	688	Đạt	Đạt	
658		Phạm Đình	Thu	20/04/1994	Đắk Lắk	689	Đạt	Đạt	
659		Trần Thị	Thu	20/01/1986	Đắk Lắk	690	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
660		Triệu Thanh	Thu	12/04/1980	Đắk Lắk	691	Đạt	Đạt	
661		Hà Thị Minh	Thuận	03/09/1989	Đắk Lắk	692	Đạt	Đạt	
662		Phan Thị Mỹ	Thuận	02/08/1994	Gia Lai	693	Đạt	Đạt	
663		Đỗ Thị	Thung	15/11/1992	Thanh Hóa	694	Đạt	Đạt	
664		Hồ Thị	Thương	24/04/1987	Đắk Lắk	695	Đạt	Đạt	
665		Nguyễn Thị Hoài	Thương	25/08/1995	Lâm Đồng	696	Đạt	Đạt	
666		Nguyễn Văn	Thương	18/05/1985	Đắk Lắk	697	Đạt	Đạt	
667		Phan Thị Thanh	Thương	18/01/1987	Đắk Lắk	698	Đạt	Đạt	
668		Vũ Văn	Thương	03/02/1990	Gia Lai	699	Đạt	Đạt	
669		Phan Văn	Thường	28/03/1984	Đắk Lắk	700	Đạt	Đạt	
670		Lê Xuân	Thưởng	24/09/2003	Đắk Lắk	701	Đạt	Đạt	
671		Đoàn Thị Thanh	Thúy	14/07/1998	Đắk Lắk	702	Đạt	Đạt	
672		Huỳnh Ngọc	Thúy	10/05/1994	Đắk Lắk	703	Đạt	Đạt	
673		Lê Thị Thanh	Thúy	02/12/1995	Đắk Lắk	704	Đạt	Đạt	
674		Lê Thị Thu	Thúy	15/05/1994	Đắk Lắk	705	Đạt	Đạt	
675		Nguyễn Thị	Thúy	26/12/1989	Đắk Lắk	706	Đạt	Đạt	
676		Nguyễn Thị	Thúy	12/12/1980	Nghệ An	707	Đạt	Đạt	
677		Nguyễn Thị	Thúy	10/02/1986	Thanh Hóa	708	Đạt	Đạt	
678		Nguyễn Thị Như	Thúy	11/04/1995	Đắk Lắk	709	Đạt	Đạt	
679		Nguyễn Thị Phương	Thúy	18/06/1991	Thanh Hóa	710	Đạt	Đạt	
680		Phan Thị Thanh	Thúy	03/02/1991	Đắk Lắk	711	Đạt	Đạt	
681		Nguyễn Nữ Mộng	Thùy	01/09/1990	Lâm Đồng	712	Đạt	Đạt	
682		Nguyễn Thị	Thùy	13/07/1987	Thanh Hóa	713	Đạt	Đạt	
683		Huỳnh Thị Thu	Thủy	17/03/1984	Gia Lai	714	Đạt	Đạt	
684		Lê Thị	Thủy	08/08/1988	Đắk Lắk	715	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
685		Ngô Thị Thu	Thủy	10/12/1993	Đắk Lắk	716	Đạt	Đạt	
686		Nguyễn Thị	Thủy	06/01/1991	Quảng Trị	717	Đạt	Đạt	
687		Nguyễn Thị Thu	Thủy	25/05/1993	Đắk Lắk	718	Đạt	Đạt	
688		Nguyễn Văn	Thủy	28/11/1989	Nghệ An	719	Đạt	Đạt	
689		Phạm Thị Thu	Thủy	05/09/1999	Đắk Lắk	720	Đạt	Đạt	
690		Võ Thị Thu	Thủy	06/03/1979	Đắk Lắk	721	Đạt	Đạt	
691		Đinh Thị Hồng	Thuyên	27/02/1988	Đắk Lắk	722	Đạt	Đạt	
692		Đặng Tấn	Tiên	28/03/1998	Đắk Lắk	723	Đạt	Đạt	
693		Trần Thị	Tiên	14/09/2006	Đắk Lắk	724	Đạt	Đạt	
694		Hồ Ngọc	Tiến	25/01/1987	Đắk Lắk	725	Đạt	Đạt	
695		Nguyễn Viết	Tiến	15/06/1985	Hải Phòng	726	Đạt	Đạt	
696		Lê Trung	Tín	27/12/1996	Đắk Lắk	727	Đạt	Đạt	
697		Lê Thị Ánh	Tính	27/09/1998	Gia Lai	728	Đạt	Đạt	
698		Đỗ Thị	Tình	24/07/1988	Thanh Hóa	729	Đạt	Đạt	
699		Trần Thị	Tình	15/01/1995	Đắk Lắk	730	Đạt	Đạt	
700		Trần Thị Huỳnh	Tình	04/11/1988	Đắk Lắk	731	Đạt	Đạt	
701		Đinh Thị Mỹ	Tơ	05/03/1995	Quảng Trị	732	Đạt	Đạt	
702		Nguyễn Bảo	Toàn	23/10/1990	Đắk Lắk	733	Đạt	Đạt	
703		Nguyễn Thanh Thanh	Toàn	26/04/1989	Gia Lai	734	Đạt	Đạt	
704		Nguyễn Tô	Toàn	04/09/1984	Hải Phòng	735	Đạt	Đạt	
705		Trần Khánh	Toàn	28/03/2000	Đắk Lắk	736	Đạt	Đạt	
706		Trần Quốc	Toàn	24/05/2000	Đắk Lắk	737	Đạt	Đạt	
707		Nguyễn Đình	Trãi	18/01/1972	Đà Nẵng	738	Đạt	Đạt	
708		Nguyễn Trung	Trãi	17/01/2000	Đắk Lắk	739	Đạt	Đạt	
709		Bùi Thị Thanh	Trâm	26/03/1989	Đắk Lắk	740	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
710		Đặng Thị Bích	Trâm	08/09/1989	Đắk Lắk	741	Đạt	Đạt	
711		Dương Thị Thùy	Trâm	13/07/1990	Đồng Nai	742	Đạt	Đạt	
712		Hà Hoàng Bảo	Trâm	10/07/1995	Đắk Lắk	743	Đạt	Đạt	
713		Lương Thị Ngọc	Trâm	15/08/1987	Đắk Lắk	744	Đạt	Đạt	
714		Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	04/03/1994	Đắk Lắk	745	Đạt	Đạt	
715		Trần Thị Thùy	Trâm	20/02/1991	Đắk Lắk	746	Đạt	Đạt	
716		Lê Thị Huyền	Trang	20/06/1993	Đắk Lắk	747	Đạt	Đạt	
717		Lê Thị Khánh	Trang	27/11/1985	Đắk Lắk	748	Đạt	Đạt	
718		Lê Thị Thùy	Trang	01/09/1986	Đắk Lắk	749	Đạt	Đạt	
719		Mai Thị Huyền	Trang	03/11/1996	Đắk Lắk	750	Đạt	Đạt	
720		Nguyễn Thị Hiền	Trang	15/11/1986	Nghệ An	751	Đạt	Đạt	
721		Nguyễn Thị Minh	Trang	10/07/1983	Gia Lai	752	Đạt	Đạt	
722		Nguyễn Thị Ngọc	Trang	02/06/1988	Đắk Lắk	753	Đạt	Đạt	
723		Nguyễn Thị Phương	Trang	02/11/1987	Đắk Lắk	754	Đạt	Đạt	
724		Nguyễn Thị Thùy	Trang	25/03/1995	Đắk Lắk	755	Đạt	Đạt	
725		Phạm Thị Kim	Trang	20/11/1987	Gia Lai	756	Đạt	Đạt	
726		Trần Thị Huyền	Trang	21/05/2002	Đắk Lắk	757	Đạt	Đạt	
727		Trần Thiên	Trang	27/06/1991	Đắk Lắk	758	Đạt	Đạt	
728		Võ Thị Minh	Trang	16/09/1994	Đắk Lắk	759	Đạt	Đạt	
729		Nguyễn Thiện	Trí	12/11/1993	Gia Lai	760	Đạt	Đạt	
730		Võ Như	Trí	15/08/1989	Đắk Lắk	761	Đạt	Đạt	
731		Đỗ Nguyễn Phương	Trinh	14/04/1990	Đắk Lắk	762	Đạt	Đạt	
732		Nguyễn Thị	Trinh	10/05/1995	Đắk Lắk	763	Đạt	Đạt	
733		Nguyễn Thị Thu	Trinh	27/10/1986	Đà Nẵng	764	Đạt	Đạt	
734		Nguyễn Thị Thúy	Trinh	08/05/1991	Gia Lai	765	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
735		Trần Thị	Trinh	08/11/1995	Đắk Lắk	766	Đạt	Đạt	
736		Võ Thị Tuyết	Trinh	08/01/1993	Nghệ An	768	Đạt	Đạt	
737		Trần Xuân	Trình	19/05/1995	Đắk Lắk	769	Đạt	Đạt	
738		Võ Công	Trứ	10/03/1983	Gia Lai	770	Đạt	Đạt	
739		Đỗ Thị	Trúc	26/01/1987	Đắk Lắk	771	Đạt	Đạt	
740		Ngô Thị	Trúc	07/10/2001	Đắk Lắk	772	Đạt	Đạt	
741		Trần Thị Thanh	Trúc	29/11/2002	Đắk Lắk	773	Đạt	Đạt	
742		Lâm Thị	Trung	20/01/1993	Đắk Lắk	774	Đạt	Đạt	
743		Nguyễn	Trung	31/01/1998	Đắk Lắk	775	Đạt	Đạt	
744		Nguyễn Nam	Trung	24/12/1997	Vĩnh Long	776	Đạt	Đạt	
745		Nguyễn Văn	Trung	22/05/1982	Đắk Lắk	777	Đạt	Đạt	
746		Nguyễn Đăng	Trường	24/11/2000	Đắk Lắk	778	Đạt	Đạt	
747		Nguyễn Mạnh	Trưởng	26/11/1994	Bắc Ninh	779	Đạt	Đạt	
748		Kim Anh	Tú	17/08/1985	Lâm Đồng	780	Đạt	Đạt	
749		Lê Ngọc	Tú	26/02/1987	Nghệ An	781	Đạt	Đạt	
750		Lục Duy	Tú	13/06/1992	Cao Bằng	782	Đạt	Đạt	
751		Trần Cẩm	Tú	17/02/2002	Đồng Nai	783	Đạt	Đạt	
752		Trần Thị Ngọc	Tú	03/10/1980	Đắk Lắk	784	Đạt	Đạt	
753		Phạm Văn	Tuân	17/05/1989	Đắk Lắk	785	Đạt	Đạt	
754		Đinh Thiện	Tuấn	09/10/1988	Đắk Lắk	786	Đạt	Đạt	
755		Hà Văn	Tuấn	03/06/1990	Lạng Sơn	787	Đạt	Đạt	
756		Huỳnh Việt	Tuấn	25/02/1989	Gia Lai	788	Đạt	Đạt	
757		Ngô Quốc	Tuấn	02/06/1984	Hà Tĩnh	790	Đạt	Đạt	
758		Nguyễn Anh	Tuấn	10/08/1988	Đắk Lắk	791	Đạt	Đạt	
759		Nguyễn Duy	Tuấn	10/02/1983	Đắk Lắk	792	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
760		Nguyễn Tiến	Tuấn	14/08/1987	Đắk Lắk	793	Đạt	Đạt	
761		Trần Anh	Tuấn	05/04/1987	Đắk Lắk	794	Đạt	Đạt	
762		Trần Công	Tuấn	24/03/1994	Đắk Lắk	795	Đạt	Đạt	
763		Võ Thanh	Tuấn	20/06/1982	Đắk Lắk	796	Đạt	Đạt	
764		Vũ Gia	Tuấn	16/08/1993	Đắk Lắk	797	Đạt	Đạt	
765		Phan Quốc	Tuệ	25/04/1991	Hà Tĩnh	798	Đạt	Đạt	
766		Phạm Thanh	Tùng	06/03/1987	Gia Lai	799	Đạt	Đạt	
767		Võ Văn Thanh	Tùng	01/03/1980	Đắk Lắk	800	Đạt	Đạt	
768		Đặng Thị	Tươi	27/10/1985	Thái Nguyên	801	Đạt	Đạt	
769		Nhữ Thị	Tươi	26/08/1990	Ninh Bình	802	Đạt	Đạt	
770		Hoàng Văn	Tưởng	04/02/1987	Bắc Ninh	803	Đạt	Đạt	
771		Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	10/11/1989	Đắk Lắk	804	Đạt	Đạt	
772		Lê Thị Ánh	Tuyết	06/09/1991	Đắk Lắk	805	Đạt	Đạt	
773		Lê Thị Ánh	Tuyết	27/01/1984	Đắk Lắk	806	Đạt	Đạt	
774		Phạm Thị	Tuyết	16/05/1984	Nghệ An	807	Đạt	Đạt	
775		Bùi Thị Tố	Uyên	17/08/1995	Đắk Lắk	808	Đạt	Đạt	
776		Hà Thị Thúy	Vân	26/10/1990	Đắk Lắk	809	Đạt	Đạt	
777		Lê Thị Hồng	Vân	27/03/1989	Gia Lai	810	Đạt	Đạt	
778		Ngô Thị Thu	Vân	24/11/1986	Đắk Lắk	811	Đạt	Đạt	
779		Nguyễn Thị	Vân	28/10/1987	Đắk Lắk	812	Đạt	Đạt	
780		Nguyễn Thị Hải	Vân	13/02/1985	Quảng Trị	813	Đạt	Đạt	
781		Trần Thanh	Vân	16/06/1984	Đà Nẵng	814	Đạt	Đạt	
782		Văn Thị Mỹ	Vân	04/04/1988	Huế	815	Đạt	Đạt	
783		Võ Thị Thu	Vân	12/04/1985	Đắk Lắk	816	Đạt	Đạt	
784		Nguyễn Thị Hội	Văn	17/12/1984	Đắk Lắk	817	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
785		Võ Tường	Vi	07/08/1991	Gia Lai	818	Đạt	Đạt	
786		Nguyễn Thị Lệ	Viên	08/01/1995	Gia Lai	819	Đạt	Đạt	
787		Nguyễn Minh	Việt	01/03/1999	Đắk Lắk	820	Đạt	Đạt	
788		Nguyễn Bá	Vinh	30/05/1987	Đắk Lắk	821	Đạt	Đạt	
789		Nguyễn Trọng	Vinh	29/03/1991	Đắk Lắk	822	Đạt	Đạt	
790		Nguyễn Văn	Vinh	30/10/1994	Lâm Đồng	823	Đạt	Đạt	
791		Phạm Hán	Vinh	15/07/1993	Hồ Chí Minh	824	Đạt	Đạt	
792		Phan Văn	Vinh	05/05/1992	Đắk Lắk	825	Đạt	Đạt	
793		Nguyễn	Vĩnh	29/09/1981	Đà Nẵng	826	Đạt	Đạt	
794		Phạm Quang	Vịnh	05/06/1983	Ninh Bình	827	Đạt	Đạt	
795		Lê Hoàng Thiên	Vũ	09/08/2001	Đồng Nai	828	Đạt	Đạt	
796		Nguyễn Hồ Hoài	Vũ	23/08/1990	Đắk Lắk	829	Đạt	Đạt	
797		Trần Quang	Vũ	20/10/1990	Gia Lai	830	Đạt	Đạt	
798		Trương Trần	Vũ	30/05/1987	Đắk Lắk	831	Đạt	Đạt	
799		Võ Tấn	Vũ	11/10/1978	Đắk Lắk	832	Đạt	Đạt	
800		Trần Thị	Vui	02/05/1985	Đắk Lắk	833	Đạt	Đạt	
801		Ngô Minh	Vương	07/12/1988	Đắk Lắk	834	Đạt	Đạt	
802		Trịnh Thị	Vương	20/09/1985	Quảng Ngãi	835	Đạt	Đạt	
803		Nguyễn Châu Hoàng	Vy	10/07/1999	Đắk Lắk	836	Đạt	Đạt	
804		Phan Trương Tường	Vy	20/08/1983	Đà Nẵng	837	Đạt	Đạt	
805		Nguyễn Ngọc Minh	Vỹ	16/03/1989	Đắk Lắk	838	Đạt	Đạt	
806		Trần Thị	Xanh	12/03/1985	Đắk Lắk	839	Đạt	Đạt	
807		Trần Thị Bích	Xuân	20/10/1989	Đắk Lắk	841	Đạt	Đạt	
808		Bùi Tú	Xương	20/09/1991	Đắk Lắk	842	Đạt	Đạt	
809		Nguyễn Hồng	Y	30/04/1994	Đà Nẵng	843	Đạt	Đạt	

STT	Số chứng chỉ cũ	Họ và tên lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Số báo danh	KẾT QUẢ THI		Ghi chú
							Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên môn	
810		Lâm Thị	Yến	10/08/1973	Ninh Bình	844	Đạt	Đạt	
811		Lê Thị Bảo	Yến	10/09/1993	Đắk Lắk	845	Đạt	Đạt	
812		Nguyễn Thị Hải	Yến	29/05/1982	Hưng Yên	846	Đạt	Đạt	
813		Nguyễn Thị Như	Yến	17/02/1993	Đắk Lắk	847	Đạt	Đạt	
814		Ninh Thị Hồng	Yến	21/10/1988	Đắk Lắk	848	Đạt	Đạt	
815		Phan Thị Hải	Yến	30/04/1984	Hà Tĩnh	849	Đạt	Đạt	
II	**KHÔNG ĐẠT KẾT QUẢ: 22 THÍ SINH**								
1		Trần Thị Kim	Hiên	09/01/1995	Hà Tĩnh	217	Không Đạt	Đạt	
2		Phạm Ánh	Hiền	01/07/1991	Đắk Lắk	227	Không Đạt	Đạt	
3		Võ Thị Thu	Hồng	17/03/1979	Đắk Lắk	276	Không Đạt	Đạt	
4		Nguyễn Tuấn	Khanh	01/03/1976	Hà Tĩnh	332	Không Đạt	Đạt	
5		Trần Hữu Tuấn	Kiệt	10/11/2001	Nghệ An	343	Không Đạt	Không đạt	
6		Lê Thị Thu	Linh	22/03/1987	Ninh Bình	382	Không Đạt	Đạt	
7		Doãn Kiều	Nguyệt	15/03/1996	Đắk Lắk	491	Không Đạt	Đạt	
8		Nguyễn Tiến	Phúc	01/10/1984	Hà Tĩnh	544	Không Đạt	Đạt	
9		Lê Thế	Tuấn	08/03/1993	Thanh Hóa	789	Không Đạt	Đạt	
10		Nguyễn Thị	Xuân	01/08/1990	Đắk Lắk	840	Không Đạt	Đạt	
11		Vũ Tuấn	An	03/10/1983	Đắk Lắk	019			Vắng thi
12		Lê Thị Thúy	An	12/07/2003	Khánh Hòa	021			Vắng thi
13		Nguyễn Thị Thu	Ánh	15/11/1982	Đà Nẵng	036			Vắng thi
14		Trương Thị Thu	Hà	17/06/1995	Đà Nẵng	184			Vắng thi
15		Phạm Mạnh	Hùng	10/10/1988	Lào Cai	292			Vắng thi
16		Bùi Thị	Liễu	29/01/1987	Hải Phòng	378			Trùng tên
17		Trương Thị Hồng	Nghiệp	26/01/1984	Gia Lai	476			Vắng thi
18		Lưu Thị Yến	Nhi	07/02/1985	Đắk Lắk	500			Vắng thi
19		Nguyễn Hồng	Quang	12/09/1985	Hưng Yên	576			Trùng tên
20		Đàm Hồng	Tâm	19/05/1989	Nghệ An	614			Vắng thi
21		Nguyễn Văn	Thi	04/04/1996	Đắk Lắk	671			Trùng tên
22		Trần Thị Tú	Trinh	19/08/1988	Gia Lai	767			Vắng thi